

Đơn vị: Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Thanh Hóa
Chương: 423

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 7 năm 2026

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 2/2026

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Thanh Hóa công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý II/2026 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện (quý II năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	220.000.000	42.050.000	19%	-
1	Lệ phí				
2	Phí thực phẩm	220.000.000	42.050.000	19%	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	9.765.000	3.938.160	40%	
I	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính	9.765.000	3.938.160	40%	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	9.765.000	3.938.160	40%	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	220.000.000	42.050.000	19%	-
I	Lệ phí				
2	Phí thực phẩm	220.000.000	42.050.000	19%	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	13.001.000.000	3.478.658.423	27%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	13.001.000.000	3.478.658.423	27%	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.736.000.000	1.317.896.756	23%	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	7.265.000.000	2.160.761.667	30%	
2.1	Chi quản lý hành chính (Loại 340, khoản 341)	183.000.000		0%	
2.2	Chi sự nghiệp Y tế (Loại 130, khoản 134)	148.000.000		0%	
2.3	Thực hiện đề án, dự án, chương trình, kế hoạch được giao (Loại 130, khoản 134)	154.000.000	45.865.230	30%	
2.4	Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 280, khoản 338)	6.780.000.000	2.114.896.437	31%	
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Ngày 14 tháng 7 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Lê Hồng Sơn